

Quảng Ninh, ngày 11 tháng 12 năm 2025

**BÁO CÁO
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM
(Năm 2025)**

Kính gửi: Sở Xây Dựng Quảng Ninh

Căn cứ theo yêu cầu của Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 về việc báo cáo hoạt động của phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng, trạm thí nghiệm hiện trường về Sở Xây Dựng dựng.

Công ty cổ phần xây dựng và kiểm định Quảng Ninh xin báo cáo về tình hình hoạt động của Phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng LAS-XD 1191 với những nội dung cụ thể như sau:

1. Tên tổ chức quản lý phòng thí nghiệm:

- **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KIỂM ĐỊNH QUẢNG NINH**
- Địa chỉ: Số 388 Lê Thanh Nghị - Phường Quang Hanh - Quảng Ninh
- Mã số thuế: 5701824406
- Điện thoại : 0837.444.222 – 083.331.1191
- Giám đốc: Ông: Bùi Sỹ Thắng

2. Tên phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng:

Giấy chứng nhận số: 213/GCN-BXD ngày 22 tháng 10 năm 2021 do bộ xây dựng cấp

Phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm kiểm định xây dựng.

Địa chỉ: Số 388 Lê Thanh Nghị - Phường Quang Hanh - Quảng Ninh

3. Mã số phòng thí nghiệm đã được cấp: LAS-XD 1191

Phòng thí nghiệm kiểm định xây dựng Las – XD 1191 thuộc **Công ty cổ phần xây dựng và kiểm định Quảng Ninh** với đội ngũ cán bộ kỹ thuật có trình độ, trẻ, hăng hái, nhiệt tình. hầu hết đều đã trải qua nhiều dự án lớn với nhiều năm tham gia công tác thí nghiệm, kiểm định chất lượng công trình trên địa bàn tỉnh và các khu vực khác. Cùng với trang thiết bị, máy móc thí nghiệm đều đảm bảo yêu cầu kỹ thuật. **Công ty cổ phần xây dựng và kiểm định Quảng Ninh** xin được công nhận với mục đích thực hiện dịch vụ kiểm tra, xác định chất lượng vật liệu xây dựng, kết cấu, chất lượng công trình xây dựng, chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng.

4. Trưởng phòng thí nghiệm: Ông Nguyễn Hữu Thủy

5. Danh sách cán bộ, nhân viên phòng thí nghiệm:

TT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn Bằng cấp, chứng chỉ	Công việc được giao	Kinh nghiệm
1	Nguyễn Hữu Thủy	1988	+ Kỹ sư đại học Xây Dựng + Chứng chỉ Quản lý phòng thí nghiệm + Chứng chỉ Xây dựng công trình giao thông	TP Thí nghiệm	10 năm
2	Đoàn Văn Dũng	1990	+ Kỹ sư đại học Xây Dựng + Chứng chỉ Thí nghiệm viên hiện trường, kiểm tra hệ thống chống sét + Chứng chỉ Thí nghiệm viên hiện trường, kiểm tra độ toàn vẹn và sức chịu tải của cọc	TNV	10 năm
3	Nguyễn Thị Trang	1984	+ Kỹ sư đại học Xây Dựng + Chứng chỉ Xây dựng công trình giao thông	TNV	10 năm
4	Bùi Văn Tâm	1991	+ Chứng chỉ thí nghiệm viên chuyên ngành xây dựng + Chứng chỉ thí nghiệm hiện trường, kiểm tra tính chất hoá học của nước cho xây dựng	TNV	4 năm
5	Đỗ Ngọc Thanh	1980	+ Chứng chỉ Xây dựng công trình giao thông	TNV	10 năm
6	Trần Văn Đức Tâm	2000	+ Chứng chỉ chuyên ngành Thí nghiệm vật liệu xây dựng	TNV	2 năm

6. Thiết bị chủ yếu của phòng thí nghiệm

Mã thiết bị	Tên thiết bị - Thông số kỹ thuật	Xuất xứ	SL	ĐVT	Hiện trạng sử dụng
	THÍ NGHIỆM BÊ TÔNG XI MĂNG				
1.	Máy nén bê tông TYE 2000KN Model: TYE-2000. - Theo TCVN. ASTM. - Dải đo: 0~ 2000KN 0~ 800 KN - Mẫu nén max: D150xH300: 200x200x200.	TQ	2	chiếc	Đang sử dụng

	- Dễ sử dụng, phù hợp tiêu chuẩn Việt nam. - Máy cơ đọc số trên đồng hồ- Điện nguồn: 220V/50Hz. 1 pha.				
2.	Máy nén bê tông 2000KN Model: TYE-2000. - Theo TCVN, ASTM. - Dải đo: 0~ 2000KN - Mẫu nén max: D150xH300: 200x200x200. - Dễ sử dụng, phù hợp tiêu chuẩn Việt nam. - Hiện thị điện tử, tự động lưu giữ kết quả nén và in kết quả sau khi nén. - Điện nguồn: 220V/50Hz. 1 pha.		2	chiếc	Đang sử dụng
3.	Máy kéo thép 1000 kN Model WE -1000 B Máy cơ kim đồng hồ Điện áp nguồn: 220V/50Hz	TQ	1	bộ	Đang sử dụng
4.	Máy thử độ bền kéo nén TBTWDW – T50 Dải đo: 0 -:- 50 kN Đọc số hiển thị điện tử Điện áp nguồn: 220V/50Hz	TQ	1	Bộ	Đang sử dụng
5.	Máy thử độ bền kéo nén uốn Dải đo: 0 -:- 1000 kN Hiện thị đồng hồ điện tử Điện áp nguồn: 220V/50Hz	TQ	1	Bộ	Đang sử dụng
6.	Máy thử độ bền nén Model TYA -300 Dải đo: 0 -:- 300 kN Đọc số hiển thị điện tử Điện áp nguồn: 220V/50Hz	TQ	1	ch	Đang sử dụng
7.	Máy đầm tự động	TQ	1	ch	Đang sử dụng
8.	Máy lắc sàng	TQ	1	ch	Đang sử dụng
9.	Bếp gia nhiệt	TQ	1	ch	Đang sử dụng
10.	Máy thử độ thấm nước Model HS-4 Dải đo: 0 -:- 4 Mpa Hiện thị kim đồng hồ Điện áp nguồn: 220V/50Hz	TQ	1	ch	Đang sử dụng
11.	Thiết bị tổn thất khi nung	TQ	1	ch	Đang sử dụng
12.	Lò Nung	TQ	1	ch	Đang sử dụng
13.	Thiết bị đo độ giãn dài nhựa đường	TQ	1	ch	Đang sử dụng
14.	Thiết bị xác định độ kim lún nhựa đường	TQ	1	ch	Đang sử dụng

15.	Thiết bị xác định nhiệt độ chớp cháy cốc hồ	TQ	1	ch	Đang sử dụng
16.	Thiết bị xác định đo thu lôi tiếp địa	TQ	1	ch	Đang sử dụng
17.	Thiết bị xác định Bentonite	TQ	1	Bộ	Đang sử dụng
18.	Súng bột nẩy	TQ	1	ch	Đang sử dụng
19.	Máy dẫn vữa xi măng tiêu chuẩn	TQ	1	ch	Đang sử dụng
20.	Bộ dụng cụ Vicát - TQBao gồm: Thân chính gắn thước. thanh dẫn chuẩn. 3 kim chuẩn. khâu chuẩn. tấm kính	TQ	1	bộ	Đang sử dụng
21.	Côn thử độ sụt bê tông N1 bằng INOX - Côn chuẩn D101.6 x D203.2 x H303 Bao gồm: Côn chuẩn. phễu hứng. tấm đế thép 600x600x2mm (hoặc khay tôn), thanh đầm. ca xúc mẫu. thước lá	VN	1	bộ	Đang sử dụng
22.	Thùng hấp mẫu xi măng Dung tích: 20 lít; Kích thước thùng: 220x250x380; Điện nguồn: 220V/50Hz. 1.5KW	VN	1	ch	Đang sử dụng
23.	Bàn dẫn vữa xi măng : Kèm khâu chuẩn và thước kẹp TQ 200 mm	VN	1	ch	Đang sử dụng
24.	Bộ gá nén mẫu xi măng 40x40mm	VN	1	bộ	Đang sử dụng
25.	Bộ gá uốn mẫu xi măng 40x40x160mm	VN	1	bộ	Đang sử dụng
26.	Khuôn 40x40x160 kép 3. bằng gang	TQ	3	bộ	Đang sử dụng
27.	Cát chuẩn 0.08-2mm. ISO 679. Túi nặng 1.35kg	VN	10	túi	Đang sử dụng
28.	Khuôn Le Chatelier	TQ	3	ch	Đang sử dụng
29.	Khuôn bê tông trụ 15x30cm bằng nhựa	VN	15	ch	Đang sử dụng
30.	Khuôn bê tông lập phương 15x15x15cm bằng nhựa	VN	30	ch	Đang sử dụng
31.	Bình tỷ trọng xi măng có bầu 250ml	TQ	3	ch	Đang sử dụng
32.	Bộ xi lanh nén đập đá dăm D150	VN	1	bộ	Đang sử dụng
33.	Bộ xi lanh nén đập đá dăm D75	VN	1	bộ	Đang sử dụng
34.	Phễu xác định độ xốp của đá. không kèm thùng đong	VN	1	ch	Đang sử dụng

35.	Phễu xác định độ xốp của cát. không kèm thùng đong	VN	1	ch	Đang sử dụng
36.	Thùng dung trọng 1 lít (Hộc đong)	VN	1	ch	Đang sử dụng
37.	Thùng dung trọng 2 lít (Hộc đong)	VN	1	ch	Đang sử dụng
38.	Thùng dung trọng 3 lít (Hộc đong)	VN	1	ch	Đang sử dụng
39.	Thùng dung trọng 5 lít (Hộc đong)	VN	1	ch	Đang sử dụng
40.	Thùng dung trọng 10 lít (Hộc đong)	VN	1	ch	Đang sử dụng
41.	Thùng dung trọng 15 lít (Hộc đong)	VN	1	ch	Đang sử dụng
42.	Thùng dung trọng 20 lít (Hộc đong)	VN	1	ch	Đang sử dụng
43.	Thiết bị xác định hàm lượng sét của đá (Bình rửa đá)	VN	1	ch	Đang sử dụng
44.	Thiết bị xác định hàm lượng sét của cát (Bình rửa cát)	VN	1	ch	Đang sử dụng
45.	Bảng màu chuẩn	VN	5	ch	Đang sử dụng
46.	Sàng D300 (cỡ sàng theo danh mục)	TQ	33	ch	Đang sử dụng
	THÍ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG				Đang sử dụng
47.	Tủ sấy 300C. dung tích 136lít: Model: 101-2A: điện tử	TQ	1	ch	Đang sử dụng
48.	Lò nung 1000C: Model: 4-10	TQ	1	ch	Đang sử dụng
49.	Cân điện tử 3kgx0.01 vibrashinko	TQ	1	ch	Đang sử dụng
50.	Thiết bị thử cường độ bê tông bằng phương pháp bật nảy	Trung Quốc	1	ch	Đang sử dụng
51.	Máy đo điện trở Model 4105A Dải đo 0 -:- 20 Ω 0 -:- 200 Ω 0 -:- 2000 Ω Hiển thị số điện tử	Thái lan	1	ch	Đang sử dụng
	THIẾT BỊ DÙNG CHUNG				
52.	Cân điện tử 15 kg x 0.5g	TQ	2	ch	Đang sử dụng
53.	Cân điện tử 30 kg	TQ	2	ch	Đang sử dụng
54.	Cân điện tử 600 g	Nhật bản	1	ch	Đang sử dụng
55.	Bình hút ẩm D300mm	TQ	1	ch	Đang sử dụng

56.	Đồng hồ bấm giây	TQ	1	ch	Đang sử dụng
57.	Bơm chân không.	TQ	1	ch	Đang sử dụng
58.	Bình hút chân không	TQ	1	ch	Đang sử dụng
59.	Đồng hồ so 0-10mm. độ chia 0.01mm	TQ	1	ch	Đang sử dụng
60.	Bình tam giác 250ml	TQ	1	ch	Đang sử dụng
61.	Bình trụ định mức 1000ml	TQ	1	ch	Đang sử dụng
62.	Bình trụ định mức 500ml	TQ	1	ch	Đang sử dụng
63.	Bình trụ định mức 250ml	TQ	1	ch	Đang sử dụng
64.	Pipet 10ml	TQ	1	ch	Đang sử dụng
65.	Phễu thủy tinh	TQ	1	ch	Đang sử dụng
66.	Tấm kính kỹ thuật	TQ	1	ch	Đang sử dụng
67.	Cối chày sứ	TQ	1	ch	Đang sử dụng
68.	Cối chày đồng	TQ	1	ch	Đang sử dụng
69.	Khay inox	TQ	1	ch	Đang sử dụng
70.	Côn chày thử độ hấp phụ cát	TQ	1	ch	Đang sử dụng
71.	Thước đo hạt thoi dẹt	TQ	1	ch	Đang sử dụng
72.	Bay chảo trộn	TQ	1	ch	Đang sử dụng
73.	Sàng xi măng 0.09. đồng kính D200mm	TQ	1	ch	Đang sử dụng

7. Diện tích và môi trường thử nghiệm.

Sơ đồ mặt bằng và diện tích của phòng thí nghiệm.

- Diện tích phòng thí nghiệm:
 - + Diện tích phòng báo cáo số liệu : 30 m²
 - + Diện tích phòng làm thí nghiệm : 80 m²

- Sơ đồ bố trí thiết bị thử nghiệm trong phòng thí nghiệm: (có sơ đồ kèm theo)
- Môi trường các bộ phận thí nghiệm:

Phòng thí nghiệm kiểm định xây dựng được trang bị các thiết bị điều hoà nhiệt độ để đảm bảo duy trì nhiệt độ phù hợp theo quy định trong phòng thí nghiệm. Phòng thí

nghiệm được đặt tại nơi không có tiếng ồn và chấn động lớn. vị trí thoáng mát. sạch đẹp. Mặt khác phòng thí nghiệm đảm bảo không làm ô nhiễm môi trường xung quanh bằng các biện pháp như sau :

- Chất thải. vật liệu sau khi sử dụng được tập trung tại nơi quy định và vận chuyển về khu vực bãi thải.
- Chất thải là chất lỏng dễ cháy như dầu. mỡ. bi tum...được chứa vào thùng sắt có nắp đậy và được vận chuyển về nơi quy định.

- An toàn về điện:

8. Danh mục và số lượng các phép thử do phòng thí nghiệm thực hiện trong năm 2024

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Số mẫu thử thực hiện trong năm 2025	Nguồn mẫu
THỬ CƠ LÝ CỦA XI MĂNG				
1	Xác định độ mịn. khối lượng riêng của bột xi măng	TCVN 4030:2003	85 mẫu	KH yêu cầu
2	Xác định giới hạn bền uốn và nén của xi măng	TCVN 6016:11	85 mẫu	- nt -
3	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn. thời gian đông kết và tính ổn định thể tích	TCVN 6017:15	85 mẫu	- nt -
HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG				
4	Xác định độ sụt. độ chảy xòe của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:22	160 mẫu	KH yêu cầu
5	Xác định khối lượng thể tích của hỗn hợp bê tông	TCVN 3108:93	160 mẫu	- nt -
6	Thí nghiệm phân tích thành phần hỗn hợp bê tông	TCVN 3110:93	160 mẫu	- nt -
7	Xác định độ chống thấm của bê tông	TCVN 3116:22	26 mẫu	- nt -
8	Xác định giới hạn bền khi nén	TCVN 3118:22	550 mẫu	- nt -
THỬ NGHIỆM CỐT LIỆU CHO BÊ TÔNG VÀ VỮA				
9	Thành phần cỡ hạt và modum độ lớn	TCVN 7572-2:06	160 mẫu	KH yêu cầu
10	Xác định thành phần thạch học	TCVN 7572-3:06	160 mẫu	- nt -
11	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:06	160 mẫu	- nt -
12	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của đá góc và cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:06	160 mẫu	- nt -
13	Xác định khối lượng thể tích. độ xốp và độ hồng	TCVN 7572-6:06	160 mẫu	- nt -

14	Xác định độ ẩm, độ hút nước	TCVN 7572-7:06	160 mẫu	- nt -
15	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:06	160 mẫu	- nt -
16	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:06	160 mẫu	- nt -
17	Xác định cường độ và hệ số hóa mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:06	160 mẫu	- nt -
18	Xác định độ nén đập và hệ số hóa mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:06	160 mẫu	- nt -
19	Xác định độ hao mòn khi va đập của cốt liệu lớn (Los Angeles)	TCVN 7572-12:06	160 mẫu	- nt -
20	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:06:	160 mẫu	- nt -
21	Xác định hàm lượng Mica	TCVN 7572-20:06	160 mẫu	- nt -
THỬ NGHIỆM THÉP				
22	Thử kéo	TCVN 197-1: 2014	110 mẫu	- nt -
23	Thử uốn	TCVN 198:2008	110 mẫu	- nt -
24	Thử kéo Bu lông	TCVN 197-1: 2014: TCVN 1916: 1995	20 mẫu	
25	Thử kéo mối hàn	TCVN 8311:2010	5 mẫu	- nt -
GẠCH ĐÁT SÉT NUNG				
26	Cường độ nén, cường độ uốn, độ hút nước, khối lượng riêng, khối lượng thể tích, độ rỗng	TCVN 6355: 2009	42 mẫu	- nt -
GẠCH BÊ TÔNG				
27	Xác định kích thước hình học, khuyết tật ngoại quan, cường độ nén, độ rỗng, độ hút nước, độ thấm nước	TCNV 6477:2016	20 mẫu	- nt -
ĐÁP, CẤP PHỐI ĐÁ DẪM				
28	Thí nghiệm Đầm nén tiêu chuẩn và thành phần hạt	TCVN 1290:2020: TCVN 4198: 2014	30 mẫu	- nt -
29	Thí nghiệm sức chịu tải CBR	22 TCN 332: 2006	05 mẫu	- nt -
30	Thí nghiệm độ chặt K theo phương pháp dao dai	TCVN 12791: 2020	250 Điểm	- nt -
31	Thí nghiệm độ chặt K theo phương pháp rót cát	22 TCN 346: 2006	438 Điểm	- nt -
BÊ TÔNG NHỰA				
32	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860 – 1 : 2011	10 mẫu	- nt -
33	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy li tâm	TCVN 8860 – 2 : 2011	10 mẫu	- nt -
34	Xác định thành phần hạt	TCVN 8860 – 3 :	10 mẫu	- nt -

		2011		
35	Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng	TCVN 8860 – 4 : 2011	10 mẫu	- nt -
36	Xác định tỷ trọng khối, khối lượng thể tích đã đầm nén	TCVN 8860 – 5 : 2011	10 mẫu	- nt -
37	Xác định độ chảy nhựa	TCVN 8860 – 6 : 2011	10 mẫu	- nt -
38	Xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860 – 7 : 2011	10 mẫu	- nt -
39	Xác định hệ số lu nèn	TCVN 8860 – 8 : 2011	10 mẫu	- nt -
40	Xác định độ rỗng dư	TCVN 8860 – 9 : 2011	10 mẫu	- nt -
41	Xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860 – 10 : 2011	10 mẫu	- nt -
42	Xác định độ rỗng lấp đầy của nhựa	TCVN 8860 – 11 : 2011	10 mẫu	- nt -
43	Xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860 – 12 : 2011	10 mẫu	- nt -
	BỘT KHOÁNG			
44	Xác định hình dáng bề ngoài, thành phần hạt, hàm lượng mất khi nung, hàm lượng nước, khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ rỗng, hệ số hao nước, hàm lượng chất hòa tan trong nước, khối lượng riêng	22TCN 58 -1984	5 mẫu	- nt -

9. Danh sách các công trình đại diện do phòng thí nghiệm thực hiện trong năm 2025.

TT	Tên công trình	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Đơn vị thi công
1	Gói thầu số 20: Thi công xây dựng, cung cấp và lắp đặt thiết bị hệ thống tuyến băng tải từ Kho than tập trung MB+55 đến cảng Làng Khánh thuộc Dự án: Hệ thống băng tải vận chuyển than Núi Béo - Hà Tu - Trung tâm chế biến - Làng Khánh	Phường Hà Tu – Hạ Long – Hà Khánh	T4/2025-đến nay đang thực hiện	Công ty xây dựng Công nghiệp Mô - Tô công ty Đông Bắc
2	Gói cung cấp: Duy tu bảo dưỡng đường vận chuyển năm 2025	Phường Hà Khánh	T1/2025- đến nay (đang thực hiện)	Công ty TNHH ITV Môi trường - TKV

2	Gói cung cấp: Duy tu bảo dưỡng đường vận chuyển năm 2025	Phường Hà Khánh	T1/2025- đến nay (đang thực hiện)	Công ty TNHH ITV Môi trường - TKV
3	Dự án: Khu đô thị khu 10B, phường Quang Hanh, tỉnh Quảng Ninh	Phường Quang Hanh	T11/2025- đến nay (đang thực hiện)	Công ty TNHH Đồ Gia Capital

10. Cam kết chung của công ty

Công ty chúng tôi xin cam kết thực hiện công tác thí nghiệm theo đúng qui trình, qui phạm.

Trên đây là báo cáo tình hình hoạt động của Phòng thí nghiệm kiểm định xây dựng LAS-XD 1191 trong năm 2025.

Xin trân trọng !

Nơi nhận:

- Lưu vp
- Sở Xây Dựng QN



GIÁM ĐỐC
Bùi Sỹ Lăng